

Số: 375/2025/TB-ĐGVN

V/v: Đấu giá tài sản

Ngày 03 tháng 3 năm 2025

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

1. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam - Địa chỉ: Ô số 6, Tầng 1, Tòa nhà Sunrise IIA, NO2A, KĐT Sài Đồng, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP Hà Nội.

2. Người có tài sản đấu giá: Tổng Công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội. Địa chỉ: Số 1 Trần Hữu Dực, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

3. Tên tài sản đấu giá, giá khởi điểm, tiền đặt trước, bước giá, tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá:

STT	Tên tài sản	Số lượng	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Bước giá đấu giá (đồng)	Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)
1	Tài sản, công dụng cụ, vật tư không còn nhu cầu sử dụng	172 đơn vị tài sản	631.712.000	70.000.000	10.000.000	100.000

(Chi tiết phụ lục kèm theo)

Lưu ý: Giá trên là giá bán tại chỗ (tại các địa điểm để tài sản của Người có tài sản tại Mỹ và Singapore) chưa bao gồm thuế GTGT. Giá áp dụng cho việc bán cả lô tài sản, chưa bao gồm các thuế, phí, lệ phí khác (nếu có). Toàn bộ các chi phí vận chuyển, bốc xếp, giao nhận tài sản và các chi phí liên quan khác (nếu có) do bên mua chịu.

4. Nguồn gốc tài sản và tình trạng pháp lý: Là tài sản của Tổng Công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội được phép bán thanh lý.

5. Hình thức, phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Đấu giá trực tuyến
- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên

6. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Từ 08h00 ngày 03/3/2025 đến 16h00 ngày 17/3/2025 (trừ ngày nghỉ) tại:



- Trụ sở Công ty - Ô số 6, Tầng 1, Tòa nhà Sunrise IIA, NO2A, KĐT Sài Đồng, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Lưu ý: Khách hàng tham khảo hồ sơ mời tham gia đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia: dgts.moj.gov.vn; Trang thông tin đấu giá trực tuyến: online.daugiavietnam.vn và liên hệ đến Tổ chức hành nghề đấu giá để được hướng dẫn mua, nộp hồ sơ tham gia đấu giá thông qua đường bưu điện (nếu có).

- Người mua hồ sơ tham gia đấu giá có nhu cầu lấy hóa đơn thì phải cung cấp đầy đủ thông tin (tên, địa chỉ, mã số thuế, Email nhận hóa đơn điện tử) chậm nhất trước thời điểm kết thúc việc bán hồ sơ mời tham gia đấu giá. Sau thời điểm này, Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam lập hóa đơn tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá theo quy định pháp luật về hóa đơn, chứng từ.

7. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Người tham gia đấu giá là các cá nhân, tổ chức đáp ứng đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định tại Quy chế cuộc đấu giá có thể chủ động thực hiện việc mua và nộp Hồ sơ tham gia đấu giá đã được niêm yết công khai trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến online.daugiavietnam.vn. Hồ sơ tham gia đấu giá được nộp (02 bộ bản sao chứng thực hoặc công chứng bản dịch), bao gồm các giấy tờ sau:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá (theo mẫu do Công ty ban hành);
- CCCD/Hộ chiếu của người tham gia đấu giá (đối với khách hàng cá nhân);
- Giấy đăng ký hoạt động được thành lập theo quy định pháp luật (đối với tổ chức);
- CCCD/Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật;
- Giấy ủy quyền bản chính, CCCD của người được ủy quyền (trường hợp ủy quyền);
- Chứng từ nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá (khách hàng gửi bản chụp chứng từ vào hòm thư điện tử: online.daugiavietnam@gmail.com để phục vụ việc đối soát nếu khoản tiền đặt trước được nộp sau khi đã nộp Hồ sơ tham gia đấu giá).

Lưu ý: Khách hàng chủ động đăng ký tài khoản của tổ chức/cá nhân mình trên hệ thống đấu giá trực tuyến online.daugiavietnam.vn (nếu chưa đăng ký tài khoản).

8. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá:

- Thời gian xem tài sản: Từ ngày 10/3/2025 đến ngày 12/3/2025 (giờ hành chính)
- Địa điểm xem tài sản:

Equinix SG1: 20 Ayer Rajah Crescent, Singapore và

Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647

(Chi tiết phụ lục kèm theo)

9. Nộp tiền đặt trước đấu giá: Từ ngày 03/3/2025 đến 16h00 ngày 17/3/2025 theo thông tin:

- Tên tài khoản: Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam
- Số tài khoản: 118 0027 11832, mở tại: Vietinbank - Chi nhánh TP Hà Nội

- Nội dung: “<Tên khách hàng> nộp tiền đặt trước đấu giá tài sản của TCT Giải pháp Viettel”

10. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá: Từ 14h00-15h00 ngày 20/3/2025 tại Trang điện tử đấu giá trực tuyến: Online.daugiavietnam.vn

(Trường hợp bất khả kháng có sự thay đổi về thời gian bắt đầu mở phiên đấu giá, Công ty sẽ thông báo kịp thời đến Người có tài sản và người đủ điều kiện tham gia đấu giá qua một trong các hình thức: Email hoặc số điện thoại khách hàng đã cung cấp trên Đơn đăng ký đấu giá hoặc trên Trang đấu giá trực tuyến)

11. Chi tiết xin liên hệ: CÔNG TY ĐGHD ĐẤU GIÁ VIỆT NAM - Ô số 6, Tầng 1, Tòa nhà Sunrise IIA, NO2A, Khu đô thị Sài Đồng, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; Điện thoại: 024.39842728.

CÔNG TY ĐGHD ĐẤU GIÁ VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thu Giang



PHỤ LỤC 01: TỔNG HỢP TÀI SẢN ĐỀ XUẤT THANH LÝ

(Kèm theo Thông báo đấu giá số 375/2025/TB-ĐGVN ngày 03/3/2025)

STT	Hạng mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tài sản cố định	Đơn vị tài sản	59	PL2.1
2	Công dụng cụ	Đơn vị tài sản	27	PL2.2
3	Vật tư	Đơn vị tài sản	86	PL2.3
	TỔNG CỘNG		172	



PHỤ LỤC 2.1: DANH MỤC TSCĐ ĐỀ XUẤT THANH LÝ
(Kèm theo Thông báo đấu giá số 375/2025/TB-ĐGVN ngày 03/3/2025)

TT	Mã VTTB (qlts 2.0)	Tên vật tư (qlts 2.0)	ĐVT	Serial Number	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Mã tài sản SAP	Mã vật tư theo SAP	Đơn vị quản lý	Vị trí lưu trữ
		TỔNG			59					
1	001892	PIO2_84	card	VT1000605125	1	Tốt	211000010755-0	200003129	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
2	001892	PIO2_84	card	5500486891	1	Tốt	211000010588-208	200003129	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
3	001892	PIO2_84	card	5500486910	1	Tốt	211000010588-207	200003129	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
4	017147	DPCE/Line Card DPCE Juniper MX960	cái	XN8303	1	Tốt	211000020345-481	200010464	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
5	004811	SIO164	card	5500727169	1	Tốt	211000013154-1	200003064	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
6	004811	SIO164	card	5500727081	1	Tốt	211000013155-2	200003064	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
7	004811	SIO164	card	5500727197	1	Tốt	211000013156-1	200003064	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
8	004811	SIO164	card	5500727199	1	Tốt	211000013155-1	200003064	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
9	004811	SIO164	card	5500727046	1	Tốt	211000013152-0	200003064	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
10	004811	SIO164	card	5500719645	1	Tốt	211000013156-2	200003064	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
11	007884	MCS5	cái	5500454664	1	Tốt	211000013139-245	200003199	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
12	004918	ME16/CCP modul for MCS10, MCS5 and DIOB cards. Provides 16 Electrical Ethernet ports with the combination of 8 x 10/100/1000	chiếc	VT1000615918	1	Tốt	211000012074-0	200003065	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
13	004918	ME16/CCP modul for MCS10, MCS5 and DIOB cards. Provides 16 Electrical Ethernet ports with the combination of 8 x 10/100/1001	chiếc	VT1000615920	1	Tốt	211000012075-0	200003065	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
14	004732	Subrack XDM1000	cái	5501492356	1	Tốt	211000012008-280	200001765	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
15	004732	Subrack XDM1000	cái	5501844328	1	Tốt	211000017377-35	200001765	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
16	001918	XMCP_B	card	VT1000604568	1	Tốt	211000012065-2	200001733	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647

11/03/2025 10:00 AM

TT	Mã VTTB (qlts 2.0)	Tên vật tư (qlts 2.0)	ĐVT	Serial Number	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Mã tài sản SAP	Mã vật tư theo SAP	Đơn vị quân lý	Vị trí lưu trữ
17	001920	XFCU_H	cái	5501450746	1	Tốt	211000012008-729	200001735	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
18	001920	XFCU_H	cái	5501450682	1	Tốt	211000012008-725	200001735	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
19	001920	XFCU_H	cái	5501451090	1	Tốt	211000012008-726	200001735	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
20	001920	XFCU_H	cái	5500930084	1	Tốt	211000012008-722	200001735	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
21	001920	XFCU_H	cái	VT1000623050	1	Tốt	211000013139-528	200001735	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
22	001889	MECP	khối	5501454020	1	Tốt	211000012008-491	200001731	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
23	001913	OMSO4_I	card	0033404111	1	Tốt	211000012088-1467	200003060	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
24	001913	OMSO4_I	card	5500363675	1	Tốt	211000010588-1221	200003060	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
25	001913	OMSO4_I	card	5500363544	1	Tốt	211000010588-1224	200003060	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
26	001913	OMSO4_I	card	5500363671	1	Tốt	211000010588-1222	200003060	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
27	001913	OMSO4_I	card	5500363581	1	Tốt	211000010588-1225	200003060	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
28	001913	OMSO4_I	card	5500363646	1	Tốt	211000010588-1226	200003060	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
29	017146	RE/Router Engine/Card xử lý của MX960	cái	VT1000360260	1	Tốt	211000020345-480	200010219	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
30	017147	DPCE/Line Card DPCE Juniper MX960	cái	XN8303	1	Tốt	211000020345-481	200010464	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
31	018153	DPCE-R-4XGE-XFP/4x10GE Enhanced DPC for MX, requires optics sold seperately Juniper	bộ	XW8805	1	Tốt	211000019496-160	200012947	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
32	018153	DPCE-R-4XGE-XFP/4x10GE Enhanced DPC for MX, requires optics sold seperately Juniper	bộ	XZ9915	1	Tốt	211000019496-159	200012947	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
33	001893	PIO345M	card	0027511431	1	Tốt	211000010588-1039	200003130	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
34	001894	SIO1/4M	card	5500466748	1	Tốt	211000010588-245	200003131	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
35	001888	M2_84BR	cái	VT1000615969	1	Tốt	211000010588-248	200003062	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647

TT	Mã VTTB (qlts 2.0)	Tên vật tư (qlts 2.0)	ĐVVT	Serial Number	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Mã tài sản SAP	Mã vật tư theo SAP	Đơn vị quản lý	Vị trí lưu trữ
36	001888	M2_84BR	cái	VT1000615967	1	Tốt	211000010588-249	200003062	VTs	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
37	001888	M2_84BR	cái	VT1000615981	1	Tốt	211000010588-250	200003062	VTs	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
38	001888	M2_84BR	cái	VT1000615973	1	Tốt	211000010588-251	200003062	VTs	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
39	001893	PIO345M	card	0027511422	1	Tốt	211000010588-1040	200003130	VTs	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
40	007258	HLXC768	cái	5500502161	1	Tốt	211000010588-62	200003335	VTs	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
41	007258	HLXC768	cái	5500502177	1	Tốt	211000010588-63	200003335	VTs	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
42	007258	HLXC768	cái	5500502244	1	Tốt	211000010588-59	200003335	VTs	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
43	001881	OTR64_L5	card	0037267061	1	Tốt	211000012097-1623	200004256	VTs	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
44	001881	OTR64_L5	card	0033888884	1	Tốt	211000010588-33	200004256	VTs	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
45	001881	OTR64_L5	card	0033888882	1	Tốt	211000010588-34	200004256	VTs	Public Storage: 8885 Riverbend Dr. Huntington Beach, CA 92647
46	044926	Bộ xử lý định tuyến 6G cho thiết bị ASR9922/ASR 9922 Route Processor 6GB for Packet Transport	bộ	FOC1919NK67	1	Tốt	211000021893-487	200002302	VTs	Equinix SG1: 20 Ayer Rajah Crescent, Singapore
47	044926	Bộ xử lý định tuyến 6G cho thiết bị ASR9922/ASR 9922 Route Processor 6GB for Packet Transport	bộ	FOC1919NK6R	1	Tốt	211000021893-483	200002302	VTs	Equinix SG1: 20 Ayer Rajah Crescent, Singapore
48	044926	Bộ xử lý định tuyến 6G cho thiết bị ASR9922/ASR 9922 Route Processor 6GB for Packet Transport	bộ	FOC1919NK70	1	Tốt	211000021893-486	200002302	VTs	Equinix SG1: 20 Ayer Rajah Crescent, Singapore
49	054147	ASR-9912-SFC110/ Card chuyển mạch 110G	cái	FOC1922NR9D	1	Tốt	211000021893-488	200002312	VTs	Equinix SG1: 20 Ayer Rajah Crescent, Singapore
50	054147	ASR-9912-SFC110/ Card chuyển mạch 110G	cái	FOC1922NR9H	1	Tốt	211000021893-496	200002312	VTs	Equinix SG1: 20 Ayer Rajah Crescent, Singapore
51	054147	ASR-9912-SFC110/ Card chuyển mạch 110G	cái	FOC1922NR9L	1	Tốt	211000021893-501	200002312	VTs	Equinix SG1: 20 Ayer Rajah Crescent, Singapore
52	054147	ASR-9912-SFC110/ Card chuyển mạch 110G	cái	FOC1922NR9X	1	Tốt	211000021893-484	200002312	VTs	Equinix SG1: 20 Ayer Rajah Crescent, Singapore
53	054147	ASR-9912-SFC110/ Card chuyển mạch 110G	cái	FOC1922NR9Z	1	Tốt	211000021893-498	200002312	VTs	Equinix SG1: 20 Ayer Rajah Crescent, Singapore

TT	Mã VTTB (qlts 2.0)	Tên vật tư (qlts 2.0)	ĐVT	Serial Number	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Mã tài sản SAP	Mã vật tư theo SAP	Đơn vị quản lý	Vị trí lưu trữ
54	054147	ASR-9912-SFC110/ Card chuyển mạch 110G	cái	FOC1922NRA4	1	Tốt	211000021893-492	200002312	VTS	Equinix SGI: 20 Ayer Rajah Crescent, Singapore
55	054147	ASR-9912-SFC110/ Card chuyển mạch 110G	cái	FOC1922NRAQ	1	Tốt	211000021893-499	200002312	VTS	Equinix SGI: 20 Ayer Rajah Crescent, Singapore
56	054147	ASR-9912-SFC110/ Card chuyển mạch 110G	cái	FOC1922NRBA	1	Tốt	211000021893-485	200002312	VTS	Equinix SGI: 20 Ayer Rajah Crescent, Singapore
57	054147	ASR-9912-SFC110/ Card chuyển mạch 110G	cái	FOC1922NRBE	1	Tốt	211000021893-500	200002312	VTS	Equinix SGI: 20 Ayer Rajah Crescent, Singapore
58	054147	ASR-9912-SFC110/ Card chuyển mạch 110G	cái	FOC1922NRC7	1	Tốt	211000021893-482	200002312	VTS	Equinix SGI: 20 Ayer Rajah Crescent, Singapore
59	044926	Bộ xử lý định tuyến 6G cho thiết bị ASR9922/ASR 9922 Route Processor 6GB for Packet Transport	bộ	FOC1919NK5K	1	Tốt	211000021893-454	200002302	VTS	Equinix SGI: 20 Ayer Rajah Crescent, Singapore

PHỤ LỤC 2.2: DANH MỤC CCDC ĐỀ XUẤT THANH LÝ

(Kèm theo Thông báo đầu giá số 375/2025/TB-ĐGVN ngày 03/3/2025)

TT	Mã VTTB (qlts 2.0)	Tên vật tư (qlts 2.0)	ĐVT	Serial Number	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Mã tài sản SAP	Mã vật tư theo SAP	Đơn vị hạch toán/Đơn vị quản lý	Vị trí lưu trữ
		TỔNG			27					
1	001892	PIO2_84	card	VT1000605424	1	Tốt	242005057660-0000	200003129	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
2	017147	DPCE/Line Card DPCE Juniper MX960	cái	KH0586	1	Tốt	24200505057515-0000	200010464	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
3	001901	OMO1_4S3	cái	0032777326	1	Tốt	242005062563-0000	200004258	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
4	001901	OMO1_4S3	cái	0027480912	1	Tốt	242005057911-0000	200004258	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
5	001901	OMO1_4S3	cái	0032777414	1	Tốt	242005067056-0000	200004258	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
6	001901	OMO1_4S3	cái	0032642679	1	Tốt	242005064796-0000	200004258	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
7	004811	SIO164	card	5500719598	1	Tốt	242005057668-0000	200003064	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
8	007884	MCS5	cái	8034438535	1	Tốt	242005149464-0000	200003199	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
9	007884	MCS5	cái	5500454686	1	Tốt	242005058218-0000	200003199	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
10	007884	MCS5	cái	5500454667	1	Tốt	242005068542-0000	200003199	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
11	007878	M345_8DI	cái	0014410153	1	Tốt	242005057258-0000	200003066	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
12	007878	M345_8DI	cái	0014410135	1	Tốt	242005064224-0000	200003066	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
13	007878	M345_8DI	cái	VT1000686355	1	Tốt	242005057118-0000	200003066	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
14	001918	XMCP_B	card	VT1000604485	1	Tốt	242005063315-0000	200001733	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
15	001918	XMCP_B	card	5501529677	1	Tốt	242005039312-0000	200001733	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
16	001920	XFCU_H	cái	VT1000635431	1	Tốt	242005038186-0000	200001735	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
17	001920	XFCU_H	cái	VT1000623032	1	Tốt	242005054274-0000	200001735	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
18	001889	MECP	khởi	VT1000605841	1	Tốt	242005063841-0000	200001731	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647

TT	Mã VTTB (qlts 2.0)	Tên vật tư (qlts 2.0)	ĐVT	Serial Number	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Mã tài sản SAP	Mã vật tư theo SAP	Đơn vị hạch toán/Đơn vị quản lý	Vị trí lưu trữ
19	001889	MECP	khởi	5500503599	1	Tốt	242005063838-0000	200001731	VTs	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
20	001895	SIO16M	cái	VT1000605425	1	Tốt	242005039035-0000	200003132	VTs	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
21	001913	OMSO4_1	card	5500363416	1	Tốt	242005064395-0000	200003060	VTs	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
22	001913	OMSO4_1	card	5500363674	1	Tốt	242005062677-0000	200003060	VTs	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
23	017147	DPCE/Line Card DPCE Juniper MX960	cái	KH0586	1	Tốt	242005057515-0000	200010464	VTs	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
24	001894	SIO1/4M	card	9030855252	1	Tốt	242005063744-0000	200003131	VTs	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
25	007877	xINF - XDM1000	cái	VT1000250638	1	Tốt	242005039083-0000	200001803	VTs	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
26	007877	xINF - XDM1000	cái	5501498530	1	Tốt	242005149326-0000	200001803	VTs	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
27	007271	OMO1_4L5	cái	0027217903	1	Tốt	242005063712-0000	200004259	VTs	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647

PHỤ LỤC 2.3: DANH MỤC VẬT TƯ ĐỀ XUẤT THANH LÝ
(Kèm theo Thông báo đấu giá số 375/2025/TB-ĐGVN ngày 03/3/2025)

TT	Mã VTTB (qlts 2.0)	Tên vật tư (qlts 2.0)	ĐVT	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Mã vật tư theo SAP	Đơn vị hạch toán/Đơn vị quản lý	Vị trí lưu trữ
		TỔNG		86				
1	001828	NVM256	cái	2	Tốt	350009008	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
2	001828	NVM256	cái	2	Tốt	350009008	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
3	002929	ODF48	bộ	3	Tốt	350004136	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
4	001772	OTR1_S3	cái	18	Tốt	350003581	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
5	001825	OTR16_S3	cái	8	Tốt	350003592	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
6	001825	OTR16_S3	cái	7	Tốt	350003592	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
7	001884	OTGBE_LX	cái	18	Tốt	350003574	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
8	001884	OTGBE_LX	cái	1	Tốt	350003574	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
9	001884	OTGBE_LX	cái	1	Tốt	350003574	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
10	001884	OTGBE_LX	cái	1	Tốt	350003574	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
11	001884	OTGBE_LX	cái	1	Tốt	350003574	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
12	001884	OTGBE_LX	cái	1	Tốt	350003574	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
13	001884	OTGBE_LX	cái	1	Tốt	350003574	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
14	001884	OTGBE_LX	cái	1	Tốt	350003574	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
15	001884	OTGBE_LX	cái	1	Tốt	350003574	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
16	001884	OTGBE_LX	cái	1	Tốt	350003574	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
17	001884	OTGBE_LX	cái	1	Tốt	350003574	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647

TT	Mã VTTB (qlts 2.0)	Tên vật tư (qlts 2.0)	ĐVT	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật	Mã vật tư theo SAP	Đơn vị hạch toán/Đơn vị quản lý	Vị trí lưu trữ
18	001884	OTGBE_LX	cái	1	Tốt	350003574	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
19	001884	OTGBE_LX	cái	1	Tốt	350003574	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
20	001884	OTGBE_LX	cái	1	Tốt	350003574	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
21	001884	OTGBE_LX	cái	1	Tốt	350003574	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
22	001884	OTGBE_LX	cái	1	Tốt	350003574	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
23	001884	OTGBE_LX	cái	1	Tốt	350003574	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
24	007695	Xrap ECI	cái	2	Tốt	350009406	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
25	007695	Xrap ECI	cái	1	Tốt	350009406	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
26	001775	OTR4_L3	cái	4	Tốt	200000198	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
27	001775	OTR4_L3	cái	1	Tốt	200000198	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
28	001775	OTR4_L3	cái	1	Tốt	200000198	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
29	001775	OTR4_L3	cái	1	Tốt	200000198	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
30	001775	OTR4_L3	cái	1	Tốt	200000198	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647
31	001775	OTR4_L3	cái	1	Tốt	200000198	VTS	Public Storage: 8885 Riverbend Dr, Huntington Beach, CA 92647